

Số: /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 11 năm 2022

## KẾ HOẠCH

### **Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, với các nội dung cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng thể**

Đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

Bảo đảm sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, góp phần xây dựng nông thôn mới.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

###### **2.1. Đến năm 2030**

- 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày.

- 100% hộ gia đình nông thôn, trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 100% người dân nông thôn thường xuyên thực hiện vệ sinh cá nhân.

- Phấn đấu 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý; 75% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

###### **2.2. Đến năm 2045**

Phấn đấu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững; 50% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 30% nước thải sinh hoạt được xử lý; 100% hộ chăn nuôi,

trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Về thông tin, giáo dục, truyền thông**

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung của Chiến lược, kế hoạch thực hiện đến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Tổ chức phát động Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm và triển khai các hoạt động hưởng ứng.

- Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; hướng dẫn người dân chủ động tích, trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, ngập lụt.

- Kết hợp đa dạng loại hình truyền thông, kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung vào vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chia sẻ thông tin liên quan đến công tác lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; công bố thông tin chất lượng nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nước đối với các nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn.

- Huy động tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng tích cực tham gia truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

### **2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách**

- Đề xuất xây dựng mô hình quản lý chung các công trình nước sạch để các công trình được bảo dưỡng, vận hành bền vững. Hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ dân sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được sử dụng nước sạch, dịch vụ vệ sinh phù hợp, đảm bảo an sinh xã hội.

- Rà soát xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, trong đó: Nghiên cứu có cơ chế, chính sách tín dụng phù hợp hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn để thu hút doanh nghiệp đầu tư, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch tiết kiệm, đồng thời có chính sách phù hợp tạo điều kiện để hộ nghèo được tiếp cận nước sạch với chi phí hợp lý; công khai, minh bạch mức đóng góp, huy động vốn từ người sử dụng nước.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, bảo đảm thực sự hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý và hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ an sinh xã hội.

### **3. Về cấp nước sạch nông thôn**

#### **3.1. Cấp nước sạch tập trung**

Đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn theo hình thức xã hội hóa và đối tác công tư cho khu vực tập trung đông dân cư có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi; hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng hạn hán, ô nhiễm nguồn nước.

Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sạch tập trung gắn với khai thác, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, phù hợp với quy hoạch nông thôn mới và các quy hoạch khác có liên quan, chủ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung là đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành sau đầu tư để bảo đảm công trình hoạt động hiệu quả, bền vững.

Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn quy mô lớn, liên xã, liên huyện (ở những nơi phù hợp), đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn, để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững, đảm bảo thu đủ chi trong quá trình quản lý vận hành; ưu tiên sử dụng nguồn nước từ hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng cho cấp nước sinh hoạt.

#### **3.2. Cấp nước quy mô hộ gia đình**

Thực hiện các giải pháp cấp nước quy mô hộ gia đình đối với những vùng gặp khó khăn trong đầu tư công trình cấp nước tập trung hoặc đầu tư công trình cấp nước tập trung không hiệu quả, vùng chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung, nhất là các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong đó tập trung:

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, xử lý nước quy mô hộ gia đình phù hợp đặc thù vùng, miền để đảm bảo nhu cầu nước sinh hoạt.

- Nhân rộng áp dụng mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình; hỗ trợ bồn chứa và dự trữ phân phối nước sinh hoạt cụm dân cư trong trường hợp khẩn cấp do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

- Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước quy mô hộ gia đình; sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình.

#### **3.3. Cấp nước an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu**

Xây dựng và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn ứng phó thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; khắc phục thiếu nước sinh hoạt do ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, lũ lụt và đảm bảo duy trì tối thiểu nguồn nước sinh hoạt trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.

Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước, nhất là ưu tiên nguồn nước thô cho hoạt động các công trình cấp nước khi hạn hán xảy ra; chia sẻ thông tin liên quan đến nguồn nước giữa các ngành, địa phương, các đơn vị cấp nước để phục vụ công tác cấp nước, quản lý, bảo vệ an toàn nguồn nước.

### **3.4. Quản lý bền vững công trình cấp nước**

- Xây dựng mô hình quản lý vận hành để duy trì hoạt động của công trình sau đầu tư; mô hình quản lý vận hành phải thể hiện rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ đầu tư, chính quyền địa phương và người dân sau khi công trình được bàn giao để công trình phát huy hiệu quả đầu tư, bền vững.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn sau đầu tư.

- Tiếp tục rà soát đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức, đơn vị quản lý, vận hành và năng lực quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tại địa phương, đơn vị, nhất là với công trình hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định; tiếp tục điều chuyển công trình từ UBND cấp xã sang cho các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ và kinh nghiệm về cấp nước.

- Tổ chức quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo một số mô hình phù hợp với từng loại theo tình hình thực tế tại các địa phương, hướng đến chuyên nghiệp hóa công tác quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, bảo đảm công trình cấp nước sạch nông thôn hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Xây dựng và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn; thực hiện bù chèo chi phí trong quản lý vận hành công trình cấp nước; hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi....

- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý vận hành và bảo vệ công trình cấp nước, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” với hỗ trợ chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật của đơn vị chuyên trách.

- Hỗ trợ kỹ thuật quản lý, vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- UBND các địa phương và đơn vị cấp nước phối hợp thực hiện công tác thông tin - truyền thông - vận động các hộ gia đình lắp đặt tuyến ống phân phối, ống nhánh và đồng hồ sử dụng nước sạch để phát huy hiệu quả đầu tư công trình cấp nước, tăng nhanh số lượng hộ dân được sử dụng nước sạch.

## **4. Về vệ sinh nông thôn**

### **4.1. Vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng**

Triển khai, nhân rộng phong trào cộng đồng không phóng uế bừa bãi, hướng tới thay đổi nhận thức, hành vi vệ sinh của người dân, tăng tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, góp phần đạt mục tiêu “Một Việt Nam không còn phóng uế bừa bãi” vào năm 2025.

Ứng dụng và phổ biến các giải pháp công nghệ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý và sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ

sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tiếp cận đồng bộ dịch vụ vệ sinh an toàn gắn với truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường.

#### **4.2. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt**

Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn.

Thí điểm áp dụng các mô hình công nghệ thu gom và xử lý nước thải chi phí thấp, hạn chế hóa chất, sử dụng năng lượng tái tạo, ít phát sinh chất thứ cấp phù hợp với đặc điểm và quy mô khu dân cư nông thôn tập trung.

Huy động các nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

#### **4.3. Xử lý chất thải chăn nuôi**

Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích áp dụng các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường.

Quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mùi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh từ cơ sở chăn nuôi không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường. Hộ chăn nuôi, chủ trang trại chăn nuôi chịu trách nhiệm xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng quy định.

Thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ người dân xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và xử lý chất thải chăn nuôi.

Xây dựng lộ trình và giải pháp từng bước đưa chăn nuôi gia súc, gia cầm vào các khu chăn nuôi tập trung.

### **5. Về khoa học công nghệ**

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe người dân, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp với khả năng chi trả của người dân.

- Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, tận dụng nguyên vật liệu địa phương trong xây dựng công trình, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.

- Nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ thu gom, xử lý và trữ nước mưa đảm bảo chất lượng; công nghệ xử lý nước hộ gia đình đảm bảo vận hành đơn giản, hiệu quả.

### **6. Về hợp tác quốc tế**

- Tăng cường chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến với các quốc gia, tổ chức quốc tế, các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh.

- Tổ chức tiếp nhận và triển khai các hoạt động hỗ trợ khẩn cấp về nước sạch và vệ sinh nông thôn trong trường hợp xảy ra thiên tai, hạn hán, lũ lụt...

- Tiếp nhận, tổ chức chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại trong hoạt động nước sạch và vệ sinh nông thôn với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Huy động nguồn lực hỗ trợ từ các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế thực hiện các mục tiêu, giải pháp trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh nông thôn.

### **7. Về huy động nguồn lực**

- Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, nhất là nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững và các chương trình, dự án khác có mục tiêu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế xã hội, huy động sự tham gia, đóng góp của người dân trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước, vệ sinh môi trường nông thôn và hỗ trợ hoạt động cấp nước quy mô hộ gia đình.

- Tiếp tục thực hiện cho vay vốn đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước tập trung, cấp nước quy mô hộ gia đình và công trình vệ sinh môi trường nông thôn thông qua chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước, chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đặc biệt tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước.

### **8. Về xây dựng và phát triển nguồn nhân lực**

- Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực, xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực nước sạch nông thôn.

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình; ưu tiên đội ngũ quản lý, vận hành mô hình công trình cộng đồng quản lý. Tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý ở cơ sở trong công tác lập kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động cấp nước và vệ sinh.

### **9. Về giám sát đánh giá**

- Cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đảm bảo tin cậy, hiệu quả.

- Tăng cường giám sát chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước, xả chất thải, nước thải không đúng quy định; huy động sự tham gia, giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

- Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tham vấn về các nội dung thực hiện Chiến lược; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát các địa phương, đơn vị thực hiện Kế hoạch đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch đề ra theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định; tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh bổ sung Kế hoạch những vấn đề phát sinh trong điều kiện cần thiết.

- Chủ trì tham mưu đề xuất triển khai xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước nông thôn tập trung nông thôn.

- Rà soát các công trình hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện việc thanh lý các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả; hướng dẫn việc điều chuyển, bàn giao công trình hoặc chuyển giao quản lý theo quy định.

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền nhằm tăng cường công tác quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh; hướng dẫn triển khai quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan nghiên cứu rà soát, cập nhật, sửa đổi bổ sung chính sách tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ cấp nước sạch nông thôn tập trung và cấp nước quy mô hộ gia đình (đối với những vùng khó tiếp cận với cấp nước tập trung).

#### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lồng ghép nội dung Chiến lược vào Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác có liên quan về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện các dự án đầu tư về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, kế hoạch vốn đầu tư phát triển

nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### **3. Sở Tài chính**

Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo phân cấp hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành thẩm định phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước gửi; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra thực hiện quyết định giá nước sạch, thực hiện điều chỉnh giá theo lộ trình tại địa phương; tham mưu cho UBND tỉnh để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đánh giá, phân loại việc thực hiện giao công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

### **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ nguồn nước, xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các quy định trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn tập trung và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao.

- Tham mưu UBND tỉnh cấp phép, gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước.

- Thẩm định bản đồ đo đạc địa chính, tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định giao đất đầu tư xây dựng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn.

### **5. Sở Y tế**

- Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước, vệ sinh trong trạm y tế và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao; tổ chức thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước và vệ sinh trạm y tế.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh ban hành quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình và công trình công cộng, vệ sinh cá nhân.



- Tổ chức kiểm tra, giám sát về chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Y tế và theo quy chuẩn địa phương đã được UBND tỉnh ban hành.

### **6. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ cấp nước, vệ sinh trong trường học và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao.

### **7. Sở Xây dựng**

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả việc thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.

### **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Nghiên cứu, đề xuất triển khai ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe người dân, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp với khả năng chi trả của người dân; ứng dụng vật liệu mới, tận dụng nguyên vật liệu địa phương trong xây dựng công trình, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ thông minh trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hoá, tự động hoá công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.

### **9. Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Trung tâm Công nghệ và Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện; hệ thống Đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã và các phương tiện truyền thông khác trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về sử dụng, bảo quản nguồn nước sạch và công trình cấp nước để nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ công trình cấp nước tập trung.

### **10. Sở Giao thông vận tải**

Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến quốc lộ được ủy quyền quản lý; hướng dẫn, chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công, kiểm tra việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

### **11. Ban Dân tộc tỉnh**

Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **12. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh**

Phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các danh mục dự án đầu tư công trình cấp nước được giao làm chủ đầu tư và đưa vào quản lý khai thác sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

### **13. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh**

Phối hợp với đơn vị, địa phương triển khai cho các hộ gia đình có nhu cầu vay vốn ưu đãi để thực hiện các công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn; tổng hợp, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện cho vay hàng năm, báo cáo UBND tỉnh quyết định.

### **14. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh**

Đề nghị lồng ghép vào nội dung chương trình công tác của hội, đoàn thể các hoạt động truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên nâng cao ý thức sử dụng nước sạch trong sinh hoạt cũng như trong việc bảo vệ cơ sở vật chất các công trình cấp nước; bảo vệ an toàn, không gây ô nhiễm nguồn nước sử dụng cho các công trình cấp nước tập trung để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn theo quy định hiện hành.

### **15. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch thuộc địa bàn quản lý theo thẩm quyền và trách nhiệm của địa phương; thực hiện việc lồng ghép nội dung Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, chia sẻ nguồn nước và các thông tin liên quan tới nguồn nước giữa các ngành và địa phương để phục vụ công tác quản lý, cấp nước và sử dụng nguồn nước hiệu quả, bền vững.

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước, xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước và mất an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý. Tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động về cung cấp nước sạch, thu gom và xử lý rác thải, nước thải.

- Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã theo phân cấp; hướng dẫn, chấp thuận xây

dựng, cấp phép thi công, kiểm tra việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

- Phê duyệt kế hoạch cấp nước hàng năm và ký kết thoả thuận dịch vụ cấp nước với đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn.

- Hỗ trợ các chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng và quản lý vận hành khai thác các công trình cấp nước trên địa bàn, nhất là công tác bảo vệ tài sản công trình.

- Chủ động bố trí nguồn kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

## **16. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

Hướng dẫn các tổ chức thành viên tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao nhận thức, tích cực tham gia hưởng ứng, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

## **17. Chế độ thông tin báo cáo**

Định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) và cuối mỗi kế hoạch 5 năm, 10 năm, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan liên quan tiến hành đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*(có Phụ lục kèm theo)*

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị, đoàn thể;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH Đắk Lắk;
- Lưu: VT, NNMT (đ\_10b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Hà**